

Số: /KH-UBND

Ninh Bình, ngày tháng 02 năm 2024

**KẾ HOẠCH**  
**Chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình năm 2024**

**I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH**

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;

- Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030";

- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 tháng 2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 505/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về Ngày Chuyển đổi số quốc gia;

- Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

- Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030;

- Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

- Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

- Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

- Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

- Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 20 tháng 4 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Ninh Bình về xây dựng Chính quyền điện tử, Chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Ninh Bình cập nhật phiên bản 2.0;

- Kế hoạch số 136/KH-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh về cải cách hành chính tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021 - 2030;

- Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh về việc Thực hiện số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực trong các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2020 - 2025;

- Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2019 của UBND tỉnh Ninh Bình thực hiện Chỉ thị số 14/CT-Tg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng nhằm tiếp tục cải thiện chỉ số xếp hạng của Việt Nam trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

- Kế hoạch số 106/KH-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 20/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng Chính quyền điện tử, Chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh triển khai Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, gắn với chuyển đổi số trong hoạt động cung cấp dịch vụ công trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

- Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh Ninh Bình về Tuyên truyền xây dựng Chính quyền điện tử, Chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

- Kế hoạch số 46/KH-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2022 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030;

- Kế hoạch số 118/KH-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

- Kế hoạch số 145/KH-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh triển khai thí điểm mô hình Chính quyền số cấp sở, ngành tỉnh Ninh Bình (phiên bản 1.0);

- Kế hoạch số 164/KH-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh triển khai thực hiện mô hình Chuyển đổi số cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình (phiên bản 1.0);

- Kế hoạch 107/KHPH-TCTĐA06/CPTW-UBND TỈNH NB ngày 02 tháng 8 năm 2023 của Tổ Công tác triển khai Đề án 06 của Chính phủ và UBND tỉnh Ninh Bình về phối hợp triển khai thực hiện các Mô hình của Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Ninh Bình”;

- Văn bản số 6074/BTTTT-CĐSQG ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương thực hiện Chuyển đổi số cấp bộ, cấp tỉnh.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu chung**

Tiếp tục đầu tư, nâng cấp, từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng, các hệ thống thông tin, nền tảng số, đảm bảo các điều kiện ở mức cơ bản phục vụ công tác chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh, nhằm thúc đẩy hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ của Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 20/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng Chính quyền điện tử, Chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Trong đó, trọng tâm là thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp đáp ứng cho xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, hướng đến xã hội số; quá trình triển khai phải đảm bảo công tác an toàn, an ninh thông tin trên không gian mạng, gắn kết chặt chẽ, đồng bộ với các nhiệm vụ của Đề án 06, xây dựng đô thị thông minh, nông thôn mới và cải cách hành chính để nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công của chính quyền các cấp.

Cải thiện mạnh mẽ các Chỉ số chuyển đổi số (DTI) của tỉnh, phấn đấu đưa Ninh Bình nằm trong nhóm 15 tỉnh/thành có chỉ số DTI cao trong toàn quốc.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

#### **2.1. Nhận thức số**

- 100% cơ quan báo, đài; trang/cổng thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh thường xuyên cập nhật chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền, phổ biến về chuyển đổi số, Đề án 06;

- 100% các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai các hoạt động thiết thực hưởng ứng ngày chuyển đổi số quốc gia trong phạm vi, địa bàn quản lý.

## 2.2. Hạ tầng số

- 100% các vùng lõm sóng trên địa bàn được rà soát, xóa và bảo đảm tốc độ mạng viễn thông di động tối thiểu 40Mbps;
- 100% cán bộ, công chức tại các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh được trang bị máy vi tính và các thiết bị phụ trợ cần thiết khác để đáp ứng thực hiện công việc trên môi trường mạng;
- Tối thiểu 80% các cơ quan nhà nước có mạng nội bộ (LAN) đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật, đảm bảo an toàn thông tin và sẵn sàng đáp ứng cho chuyển đổi sang dải địa chỉ IPv6.

## 2.3. Dữ liệu số

- 100% các sở, ban, ngành của tỉnh tham gia mở dữ liệu và chia sẻ, cung cấp trên Cổng dữ liệu mở của tỉnh phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số;
- Tối thiểu 60% dữ liệu quản lý của các cơ quan nhà nước được số hóa, chuẩn hóa; từng bước lưu trữ tập trung tại Trung tâm Dữ liệu của tỉnh và đưa vào khai thác sử dụng;
- 100% thông tin, thành phần hồ sơ của tổ chức, cá nhân thực hiện giải quyết thủ tục hành chính tại các cơ quan nhà nước được số hóa và lưu trữ vào Kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân để tái sử dụng;
- 100% cơ sở dữ liệu quốc gia, bộ ngành trung ương được kết nối, triển khai ứng dụng trên địa bàn tỉnh theo lộ trình, yêu cầu của Chính phủ.

## 2.4. Nền tảng số

- Tối thiểu 30% các nền tảng số của quốc gia do Bộ Thông tin và Truyền thông công bố được nghiên cứu, xem xét sự phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh để giới thiệu, hỗ trợ triển khai và ứng dụng cho các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh;
- Tối thiểu 50% hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước được thực hiện trên nền tảng quản trị tổng thể, thống nhất với các Hệ thống thông tin quốc gia.

## 2.5. Nhân lực số

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản; 50% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số;
- 100% thành viên Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng của tỉnh; cán bộ phụ trách chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị được tập huấn, tham gia diễn tập tình huống, diễn tập thực chiến đảm bảo an toàn thông tin mạng.

## 2.6. Đảm bảo an toàn thông tin mạng

- 100% máy tính cá nhân, thiết bị đầu cuối CNTT; mạng nội bộ (LAN) của

các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh được triển khai các giải pháp bảo vệ; kết nối, giám sát đảm bảo an toàn thông tin mạng;

- 100% hệ thống thông tin, hạ tầng máy chủ, thiết bị tại Trung tâm Dữ liệu của tỉnh được bảo vệ phòng, chống tấn công mạng, có giải pháp quản trị, vận hành và sao lưu, lưu trữ dự phòng;

- 100% hệ thống thông tin, phần mềm tại các cơ quan, đơn vị, địa phương được xây dựng, phê duyệt hồ sơ cấp độ an toàn thông tin;

- 100% hệ thống thông tin được triển khai phương án đảm bảo cấp độ an toàn hệ thống thông tin;

- 100% các cơ quan đảng, nhà nước sử dụng đường truyền số liệu chuyên dùng để kết nối các hệ thống thông tin trong phạm vi quản lý để đảm bảo an toàn thông tin, dữ liệu.

- Tối thiểu 50% các trang, cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước được đánh giá và gán nhãn tín nhiệm mạng.

### 2.7. Chính quyền số

- 100% văn bản (trừ văn bản mật theo quy định) trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số theo quy định;

- 100% hồ sơ công việc tại các cơ quan nhà nước ở 3 cấp (tỉnh, huyện, xã) được quản lý, xử lý và luân chuyển hoàn toàn trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước);

- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp được thực hiện trực tuyến và liên thông với hệ thống thông tin báo cáo quốc gia;

- 100% dịch vụ công trực tuyến được thiết kế, thiết kế lại nhằm tối ưu hóa trải nghiệm người dùng, khi sử dụng được điền sẵn dữ liệu mà người dùng đã cung cấp trước đó theo thỏa thuận, phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ;

- 100% người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương;

- 100% dịch vụ công trực tuyến có đủ điều kiện theo quy định được công bố áp dụng dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình;

- 100% dịch vụ công trực tuyến có đủ điều kiện được tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia;

- Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính tiếp nhận và giải quyết trực tuyến đạt tối thiểu 70% trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh;

- Tối thiểu 95% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh;

- Tối thiểu 50% hoạt động kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý;

- 100% xã, phường, thị trấn thực hiện chuyển đổi số theo Mô hình chuyển đổi số cấp xã, phiên bản 1.0 (bao gồm cả các đơn vị thí điểm năm 2021 và thực hiện năm 2022, 2023).

### 2.8. Kinh tế số

- Tối thiểu 40% doanh nghiệp vừa và nhỏ được tiếp cận, sử dụng các nền tảng số; tối thiểu 60% doanh nghiệp ứng dụng chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, sản xuất, kinh doanh;

- Tối thiểu 80% doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử; tối thiểu 90% doanh nghiệp thực hiện giao dịch điện tử trong các hoạt động về tài chính;

- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt tối thiểu 9%;

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 9%.

### 2.9. Xã hội số

- 100% người dân có đủ điều kiện được cấp tài khoản định danh điện tử;

- 100% người dân có tài khoản định danh điện tử được cấp tài khoản để sử dụng dịch vụ công trực tuyến;

- Tối thiểu 30% người dân trưởng thành có chữ ký số cá nhân;

- Tối thiểu 80% người dân trưởng thành có điện thoại thông minh;

- Tối thiểu 60% người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử;

- 100% người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác;

- Tối thiểu 50% người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản;

- Tối thiểu 50% người dân được tuyên truyền, phổ biến, tập huấn để nắm bắt về kỹ năng số cơ bản;

- Ứng dụng mô hình quản trị số hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở tại cơ sở đào tạo đại học;

- Tối thiểu 50% cơ sở đào tạo cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp ứng dụng được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở;

- Tối thiểu 50% cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở.

## III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

(Chi tiết tại các Phụ lục 1, Phụ lục 2, Phụ lục 3, Phụ lục 4 kèm theo).

## IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch này được bố trí từ các nguồn: Ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành, lồng ghép với kinh phí thực hiện các Chương trình, Kế hoạch, Đề án khác có liên quan; các nguồn kinh phí huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

## V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Các sở, ban, ngành của tỉnh, UBND các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công tại Phụ lục 1, Phụ lục 2, Phụ lục 3, Phụ lục 4 (*ban hành kèm theo Kế hoạch này*) và các yêu cầu, nhiệm vụ sau:

### 1. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch này; chủ động hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình năm 2024 đảm bảo đồng bộ, thống nhất trên địa bàn toàn tỉnh; theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, tổng hợp tình hình, kết quả triển khai các nhiệm vụ, chương trình, dự án của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Định kỳ tổng hợp báo cáo Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh và UBND tỉnh về tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch qua Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND, Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước, khai thác, vận hành, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin đối với các hệ thống thông tin, phần mềm, nền tảng số dùng chung, trọng yếu của tỉnh.

- Thường xuyên rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung, xây dựng trình cấp có thẩm quyền ban hành các quy chế quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin, các nền tảng số; tham mưu và tổ chức cung cấp thông tin phục vụ công tác tuyên truyền, định hướng và công khai kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Đầu mối phối hợp với Bộ, ngành Trung ương trong triển khai các nền tảng số quốc gia; triển khai các giải pháp kỹ thuật thực hiện kết nối, tích hợp giữa các hệ thống thông tin của tỉnh với các cơ sở dữ liệu quốc gia; thực hiện chia sẻ cho các cơ quan sử dụng, cung cấp công khai và mở cho người dân, doanh nghiệp.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện các nhiệm vụ về phổ cập, nâng cao nhận thức, kỹ năng số phục vụ phát triển chính quyền số, chuyển đổi số và đảm bảo ATTT mạng; tổ chức tập huấn, hướng dẫn nâng cao năng lực về chuyển đổi số cho các thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các đơn vị liên quan tổng hợp, xây dựng dự toán kinh phí thực hiện các chương trình, dự án, hạng mục CNTT, phát triển Chính quyền số, chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng gửi sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

- Chủ trì kiểm tra, đánh giá việc tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

## **2. Văn phòng UBND tỉnh**

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các đơn vị liên quan vận hành, khai thác hiệu quả các hệ thống thông tin được giao chủ trì quản lý, đáp ứng các yêu cầu phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các nhiệm vụ về chuyển đổi số của tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cải cách TTHC, kiểm soát TTHC, hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công và Bộ phận một cửa cấp huyện, cấp xã; đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện quy trình số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trong tiếp nhận, giải quyết TTHC của các cơ quan, đơn vị.

## **3. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính, các đơn vị có liên quan nghiên cứu, tham mưu báo cáo UBND tỉnh cân đối, bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm để triển khai thực hiện các dự án, chương trình ứng dụng CNTT, xây dựng Chính quyền điện tử, phát triển Chính quyền số, chuyển đổi số và phát triển các dịch vụ đô thị thông minh theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định có liên quan.

## **4. Sở Tài Chính**

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ khả năng cân đối ngân sách tỉnh, tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí chi thường xuyên ngân sách tỉnh cho các cơ quan, đơn vị để thực hiện các nhiệm vụ tại Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản có liên quan.

## **5. Sở Nội vụ**

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai các giải pháp nhằm tăng cường gắn kết chặt chẽ giữa hoạt động phát triển Chính quyền số, chuyển đổi số với việc nâng cao chất lượng, hiệu quả thực thi công vụ, đẩy mạnh cải cách hành chính tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức về Chính quyền điện tử, Chính quyền số, chuyển đổi số và đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh.



## **6. Sở Khoa học và Công nghệ**

Chủ trì hướng dẫn, đề xuất các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo liên quan đến chuyển đổi số; đẩy mạnh triển khai các chính sách khuyến khích doanh nghiệp tham gia mọi thành phần kinh tế đầu tư nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ số; tăng cường phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông trong việc triển khai các nhiệm vụ, giải pháp về việc tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 trên địa bàn tỉnh.

## **7. Công an tỉnh**

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh và các đơn vị có liên quan tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ tại Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tiến hành các biện pháp truyền thông, phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh với các loại hình tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật lĩnh vực an ninh mạng trên địa bàn tỉnh.

## **8. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố**

- Căn cứ Kế hoạch này, xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số năm 2024 của cơ quan, đơn vị mình (trong đó, yêu cầu phải cụ thể hóa, chi tiết các chỉ tiêu, nhiệm vụ và xác định mốc thời gian hoàn thành của từng nhiệm vụ), báo cáo UBND tỉnh (đồng thời gửi Sở Thông tin và Truyền thông) trước ngày 25/02/2024.

- Chủ động nghiên cứu, đề xuất triển khai các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, thiết thực để tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ, thực chất về công tác lãnh đạo, chỉ đạo; tuyên truyền nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số và đảm bảo an toàn thông tin mạng ở mỗi cơ quan, đơn vị.

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện số hóa, tạo lập cơ sở dữ liệu thuộc lĩnh vực, ngành, địa phương mình phụ trách, đảm bảo hoàn thành đúng lộ trình các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ về xây dựng, tạo lập, phát triển dữ liệu theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và UBND tỉnh; hoàn thành các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ được giao về cung cấp dịch vụ công trực tuyến, giải quyết TTHC trực tuyến; sử dụng chữ ký số, gửi, nhận văn bản điện tử, xử lý hồ sơ công việc trên môi trường điện tử. Phát huy hiệu quả hoạt động các Tổ công nghệ số cộng đồng nhằm hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng các dịch vụ, công nghệ số tại địa bàn.

- Chủ động phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung, xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin quan trọng, nền tảng của tỉnh, các phần mềm chuyên ngành. Chủ trì, chủ động thực hiện nâng cấp, bổ sung trang thiết bị, hạ tầng mạng đáp ứng triển khai các nhiệm vụ tại Kế hoạch.

- Đưa nội dung, nhiệm vụ chuyển đổi số vào các cuộc họp, hội nghị chuyên đề, giao ban hàng tháng, sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả, tiến độ thực hiện để làm căn cứ lãnh đạo, chỉ đạo hoàn thành các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ của Kế hoạch.

- Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao chủ trì phải tuân thủ các quy định về quản lý nguồn vốn, tránh trùng lặp, lãng phí trong đầu tư; đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, công nghệ; phù hợp với Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh; đáp ứng các yêu cầu về tích hợp, kết nối, chia sẻ, đồng bộ, cấu trúc dữ liệu và đảm bảo an toàn, an ninh thông tin mạng.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị nghiêm túc tổ chức hiện đầy đủ các nội dung của Kế hoạch và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả thực hiện. Trong quá trình triển khai, căn cứ tình hình thực tiễn, nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo về UBND tỉnh (*qua Sở Thông tin và Truyền thông*) để được xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.

Định kỳ hàng tháng (trước ngày 25), hàng quý (trước ngày 25 tháng cuối quý), 6 tháng (trước ngày 25/6) và hàng năm (trước ngày 15/12) các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo kết quả, tiến độ thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ về Sở Thông tin và Truyền thông qua Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh./.

***Nơi nhận:***

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
  - Văn phòng Chính phủ;
  - Thường trực Tỉnh ủy;
  - Lãnh đạo HĐND, UBND tỉnh;
  - Các cơ quan, đơn vị tại Mục V Kế hoạch;
  - Đài PTTH, Báo Ninh Bình, Cổng TTĐT tỉnh;
  - Lưu VT, các VP.
- HP\_VP6\_KH

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Tổng Quang Thìn**